

國會

編號：43/2022/QH15

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

河內市，2022 年 01 月 11 日

決議

有關經濟-社會復甦及發展計劃之年度財務、貨幣輔助政策

國會

根據越南社會主義共和國憲法；

根據第 57/2014/QH13 號國會組織法已獲第 65/2020/QH14 號法修改、補充若干條；

基於審查政府 2022 年 01 月 02 日第 02/TTr-CP 號呈文，經濟委員會之 2022 年 01 月 03 日第 604/BC-UBKT15 號審查報告、國會常務委員會 2022 年 01 月 11 日第 106/BC-UBTVQH15 號報告有關接收、整理、闡述有關經濟-社會復甦及發展計劃之年度財務、貨幣輔助政策草案、各相關資料及各位國會代表之意見；

決議：

第 1 條、觀點

1. 密切跟隨黨之方向、主張，國會之決議，堅持保持宏觀經濟之穩定，提高經濟之效率、質量、競爭力、自主性、承受、適應能力，及時因應眼前和長遠之需求，與 2021-2025 經濟-社會五年發展計劃、每年經濟-社會發展計劃、2021-2025 年階段經濟結構重整計劃、2021-2025 年 5 年階段國家財政及國家債務及還債計劃、2021-2025 年階段國家中期投資計劃及 COVID-19 疫情防控計劃。
2. 靈活運行、緊密、協調、有效地配合年度財政、貨幣及其他宏觀政策；嚴謹控制通貨膨脹，確保經濟大平衡；僅增加國家經費預算赤字以增加發展投資之開支，並在實施免、減稅方案之前確保國家經費預算之平衡以扶持社會-經濟復甦及發展計劃（以下稱為計劃）。
3. 扶持計劃之政策規模、資源夠大，影響到供方與需方；有中心、重點目標，確定實在需要支持對象以解決各緊迫問題，避免分散、浪費資源，與各級組織、個人、負責人及黨委、當局之職責連結。
4. 扶持政策、措施必須可行、及時、有效，主要在 2022 年及 2023 年實施，有適當路線以提高 COVID-19 疫情防控、經濟-社會復甦及發展之能力；推出資源有快速撥款、吸收能力。
5. 有效調動、分配及管理資源；保持各地區、區域、地方、領域、優先對象之合理平衡；易於實施，易於檢查、監督及評估；反消極、貪污、群組利益、逐利政策；確保效率、公平、公開、透明。



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

第 2 條、目標、指標

1. 快速恢復、發展生產、經營活動，激發增長動力，優先發展一些重要產業、領域，努力達到 2021-2025 年階段之目標：GDP 平均每年增長 6.5-7%，國家債務低於國會第 23/2021/QH15 號決議允許之警戒線，城市區域之失業率低於 4%；保持宏觀經濟之穩定，確保中期及長期之主要平衡。
2. 降低成本，支持現金流，確保主動性，為企業、各經濟組織及人民造就順利條件。
3. 有效防控 COVID-19 疫情；保障社會安生及人民生活，尤其是勞動者、窮人、弱勢人群、受疫情嚴重影響之對象；確保國防、安寧、社會秩序、安全。

第 3 條、經濟-社會復甦及發展計劃之輔助政策

1. 年度財務政策：

1.1 免、減稅政策：

- a) 在 2022 年減 2% 增值稅稅率，適用對於目前正適用 10% 增值稅稅率之商品及服務（降至 8%），但以下一些商品及服務除外：電信、信息技術、金融活動、銀行、證券、保險、經營不動產、金屬、金屬預製產品、採礦產品（不含開採煤炭）、焦炭、精煉石油、化工產品、徵特別消費稅之商品及服務；
- b) 在 2022 年計稅期，當企業、組織在越南支付於 COVID-19 預疫情防控活動之支持、贊助費用，確定企業課稅所得時可抵扣費用。

1.2 投資發展政策：

增加國家經費支出之發展投資最高為 176 萬億越盾，集中在 2022 及 2023 兩年，包括：

a) 有關醫療：

最多撥款 14 萬億越盾以投資新建、改造、升級、現代化基層醫療、預防醫學、區域疾病控制中心之系統，通過培訓提高中央級各院及醫院之疾病防控能力，提高醫療人力資源、國內生產 COVID-19 疫苗及治療藥物之質量；

b) 關於社會安生、勞動、就業：

- 撥予社會政策銀行最多 5 萬億越盾，包括利息補助及管理費 2 萬億越盾以實施該計劃之優惠貸款政策；對目前依信貸政策現行貸款年息高於 6% 之對象補助利率最多 3 萬億越盾；
- 投資新建、改造、升級、擴大及現代化各社會救助、培訓、職業培訓、解決就業之單位最多 3 萬 1 千 5 百億越盾；

c) 關於企業、合作社、經營戶之支持：



- 通過商業銀行系統，為能夠償債、有恢復能力之一些重要行業、領域、企業、合作社、經營戶提供高達 40 萬億越盾之貸款利息補助（2%/年）；改造舊公寓、興建社會住房、給職工購置、租用及租購房屋之貸款；

- 提供章程資金給旅遊發展基金最多 3000 億越盾；

d) 關於投資發展基礎設施：

從國家經費預算補充投資最多 113 萬 5 仟 5 佰億越盾以發展基礎設施：交通、信息技術、數字化轉型、河岸、海岸侵蝕防治、確保儲水湖之安全、適應氣候變化、克服天災後果；

d) 本計劃各預案之資金選擇及分配必須確保在 2022 年及 2023 年撥款，並遵守以下各原則、標準：

- 優先為國家各重要預案、2021-2025 年階段正在落實國家中期投資計劃清單、有可能早完成但尚未安排資金或安排足夠資金之各預案分配資金；

- 若為 2021-2025 年階段國家中期投資計劃清單以外之各預案分配資金：僅為各重要、緊急、有溢出效應、有快速撥款能力及立即吸收到經濟、符合規劃、有效使用資金、確保資金平衡能力以在 2022-2025 年階段完成之各預案安排；對於一些對經濟-社會發展具有重要意義之新預案，則優先協助場地清理工作；

- 各預案必須充分確保規定之投資手續；

- 確保各地區、區域、地方、領域之間的公開、透明、公平、和諧。

1.3 其他年度財務政策：

a) 對有勞動關係、在工業區、出口加工區、重點經濟區域有租房、住宿、工作之勞動者協助住房租金（使用從 2021 年中央增收經費、節省經費開支約 6 萬 6 仟億越盾）；

b) 增加社會政策銀行對國內發行債券之政府擔保額度至最多 38 萬 4 仟億越盾，用於協助就業之貸款；學生、大學生；非公立幼兒、小學教育單位；個人按照社會住房政策貸款購買、租房、租購社會住房；新建或改建、修復房屋；落實 2021-2030 年階段有關發展少數民族地區及山區經濟-社會之國家目標規劃。

2. 貨幣政策：

a) 同步、靈活運用貨幣政策工具，為維持宏觀經濟之穩定、控制通貨膨脹、保障各信貸組織系統之安全、積極為支持經濟-社會之復甦及發展作出貢獻；研究穩定以短期資金放貸予中期及長期貸款之最高比例，合理計算強制性存款準備金比例，開展開放市場業務、再融資，指導各信貸組織繼續降低營業成本，以於 2022 及 2023 兩年力爭下調貸款利率約 0.5% 至 1%，尤其是對於優先領域；



- b) 繼續重組還款期限並保持原有債務組，為受 COVID-19 疫情影響之客戶免、減貸款利息，密切跟進經濟進展及貨幣市場以採取適當措施協助企業、人民，同時保證各信貸系統之安全運行；
- c) 適當調節協助包之流動性，為受益對象加快撥款速度造就條件；
- d) 合理調節貨幣，密切配合年度財務政策，為政府債券之發行及讓信貸組織繼續投資政府債券創造順利條件；
- d) 必要時從其他合法資金來源使用最多 46 萬億越盾進口疫苗、治療藥物及醫療設備、物資服務 COVID-19 疫情之防控；
- e) 繼續再融資予社會政策銀行以供雇主貸款支付職工之停工工資、恢復生產工資，保證可行性並實際快速組織展開。平衡各獲特別管控銀行重組總體方案有關協助計劃之貨幣措施。

3. 其他政策：

適用其他政策以集中落實 2022 及 2023 兩年之計劃，包括：

- a) 使用越南電信公益服務基金約 5 萬億越盾以發展電信、國際聯網之基礎設施，其中使用 1 萬億越盾以配備平板電腦，落實“為你服務之頻率及計算機”計劃；
- b) 解決企業對科技發展基金規定有關支出及管理內容之羈絆；使用約 5 萬億越盾於工藝創新、工藝孵化、科技企業孵化、科研成果及技術開發之商業化；解碼技術；購買設備、機械、原材料以創新工藝，直接服務企業之生產、經營活動。

第 4 條、資源調動方案

1. 為具備落實各年度財務政策扶持計劃之資源，允許在 2022 及 2023 兩年之國家經費預算赤字每年平均增加 GDP 之 1% 至 1.2%（最多 240 萬億越盾），其中：2022 年，與已獲國會決定之 GDP 預估相比，增加約 1.1%（最多 102 萬 8 仟億越盾）；2023 年，政府匯總計劃並預估 2023 年包括增加部份之國家經費總預算，按規定提交國會審查、決定。

資源之需求需要在充分利用可用資源、中央經費預算增加收入、節省開支之來源及撥款能力之基礎上具體計算，通過以下各工具以擬定適合每時間點之調動方案：

- a) 發行政府債券，保證密切配合調控貨幣政策、年度財務政策及其他宏觀政策之原則，維護宏觀經濟、金融市場、貨幣之穩定並確保各主要平衡；符合經濟之還債、撥款能力、吸收能力、保證效率、避免浪費。在 2022 年及 2023 年優先發行本幣境內政府債券，平均發行年限 9 年以下。若需要以外幣發行，在展開之前政府報告權責級審查、決定；
- b) 官方發展援助（ODA）貸款、以協助形式之外國優惠貸款平衡經費預算；

c) 必要時，政府報告權責級批准從其他合法資金來源貸款，並在每年度財務計劃-國家經費預算或依規定之其他來源償還；允許直接向越南國家銀行發行政府債券。

2. 大力推動其他各措施以開發資源，包括：

a) 盡量、有效使用 2021-2025 年階段中期計劃之資源；盡量節約、減少各項開支，在權責範圍靈活調整各項任務、開支項目。嚴格管理各項收入來源，力爭增加收入、徹底節約國家經費預算之開支；加快稅務改革路線圖，反稅收流失、移轉定價、逃稅、減少拖欠稅款比例；現代化稅收、海關、國庫系統，展開電子發票，利用增加國家經費預算收入之餘地，尤其是跨境數字交易收入及提供予在越南消費者數字服務之增加收入餘地；徹底收回延遲分配或延遲展開之經常性經費；

b) 靈活使用適當之各機制、政策、工具以調動更多資源實施計劃；制定對於一些需要限制消費貨品之增加特別消費稅方案，以便在計劃實施期間及時適用；加快各國有企業資金、工會組織資金及各政治-社會組織資金之股權化和撤資；重新審查國家經費預算以外之財政資金、國家資金投資總公司之投資能力，以便制定適當之融資、使用計劃；研究從地方經費預算委託予社會政策銀行之資金調動方案；關心有效整合及加快國家目標計劃、支持投資地方基層醫療單位目標計劃之撥款。

第 5 條、適用特別機制

1. 允許政府總理、權責機關負責人審查、決定 2022 年及 2023 年對於諮詢招標包、服務遷移技術基礎設施之招標包、補償、拆遷場地及重新安置定居之招標包，國家各重要項目、屬計劃內之大規模、緊急之重要基礎設施項目、有關交通及醫療基礎設施之營建招標包；實施本條款規定招標包之承包商，直至完成項目。按照招標法規定之程序、手續執行指定承包商。

2. 在 2022 及 2023 兩年，施工承包商在開採礦產做普通建材以落實屬於國家重要計劃服務交通基礎設施項目之建材考察檔案中，不需申辦許可證手續；本條規定之開採礦產事宜獲實施到項目完成為止。施工承包商有責任進行環境影響評估；受管理、監督對於開採、使用礦產事宜；依法律規定納稅、費及履行保護、改造、恢復環境之各義務。

3. 在 2022 及 2023 兩年，允許政府總理審查、決定分級給有足夠管理能力、經驗地方之省級人委會並有書面建議作為經過本地區高速公路路段之主管機構，以國家投資形式實施基於已盡量使用交通運輸部能力之基礎上（由交通運輸部為統一管理 2021-2025 年階段南-北高速公路東部交通工程建設項目之管理機構除外）。本條規定之管理機構可以實施高速公路路段直到項目完成。

第 6 條、交予政府



1. 儘速頒行各措施以依法律規定落實權責內之年度財務、貨幣及其他各政策以落實計劃；引導組織實施本決議第 5 條規定之各機制，與具體責任連結，保證不讓發生逐利政策、群組利益、損失、浪費事宜。
 2. 在運營、指導調動、分配、管理及使用資源必須節省、有效、符合本計劃各預案、任務之實施、撥款進度；密切跟進各宏觀指標以及時採取措施確保宏觀經濟之穩定、各主要平衡，其中特別關注通貨膨脹、爛賬之指標；力爭增收、節省開支；減少赤字以落實 2021-2025 年階段 5 年國家財政計劃及國家債務、還債之各目標；如有重大變化或風險，政府應及時報告國會審查、決定。
 3. 指導擬定國家經費預算分配方案及補充 2021-2025 年階段中期國家投資計劃之 2022 年各計劃、項目及本計劃之各項目（包括社會政策銀行及旅遊發展輔助基金等之內容）；依規定在政府分配、補充分配 2022 年經費預算及補充國家投資計劃之前，報告國會常務委員會審查、決定分配、補充分配經費預算。
- 在國家持有 50% 以上章程資金之商業股份銀行，提撥 2021-2023 年階段各基金之後，指導制定從稅後利潤增加章程資金之計劃，並從國家經費對於農業暨農村發展銀行。
4. 根據本決議第 3 條 1 款規定之原則、標準，在分配資金之前，緊急審查、完善使用本計劃資金之各項目清單，報告國會常務委員會徵求意見。確保 2021-2025 年階段中期國家投資計劃之資本與支持本計劃年度財務、貨幣政策資金之協調以優先為各重點項目提資金，具有傳播、連接區域、促進增長、能夠吸收資金之作用。依規定呈送國會常務委員會審查、決定補充 2022 年國家經費預算及國家投資計劃以加快進度、完成 2022 及 2023 年計劃之資金撥款；確保資金來源以展開、完成 2021-2025 年階段南-北高速公路東部建設工程之各組成部分項目。
 5. 同步、及時、有效地實施本計劃之主要任務、解決方案。在營運過程中，根據實際情況，繼續平衡中央經費預算以補充資源實施本計劃；及時為本計劃展開各解決方案以盡量調動各合理資源。
 6. 對於本計劃之各支出任務在權責範圍之各內容，根據現行法律規定靈活調整。對於屬於國會職權範圍之各問題必須報告國會審查、決定；緊急情況下，在國會兩次會議之間則報告國會常務委員會審查、決定，並在最近會議上報告國會。
 7. 主動、迅速頒布並有效、同步組織實施 COVID-19 疫情防控計劃及各相關規定；削減、減少、簡化行政手續，改善投資、經營環境；集中拆除有關社會住房、職工住房之機制、政策、法規之羈絆；採取突破性政策，優先鼓勵與持續發展相關之創新、數字化轉型、數字經濟、綠色經濟、循環經濟。

8. 研究允許企業在計算企業所得稅時，按照實際費用之一定比例補充扣除之方案，適用對於營造固定資產成本及人工成本；擬定對於證券、房地產交易之增稅方案，報告國會常務委員會審查、決定。

9. 從開始就加強內部清查、檢查、引導以防止發生錯誤、貪污、浪費、消極，並從嚴處理各違規行為，尤其是在短時間內配置大量資源。

10. 注重信息、通訊工作，為營造社會共識、激發、發揮民族大團結及政治系統之力量作出貢獻。

第 7 條、組織實施

1. 政府、各部、中央及地方機關提高責任，尤其是首長對領導、指導組織、展開執行本決議所規定各內容、政策之責任，確保觀點、目標正確、公開、透明、有效、可行及進度；不讓逐利政策、損失、浪費。

2. 國會常務委員會、民族委員會及國會各委員會，各國會代表團、國會代表、直轄中央各省、市人民議會、越南祖國陣綫及各成員組織，在自己之任務、權限範圍，監督本決議之執行事宜。

3. 國家審計針對執行計劃事宜進行每年之審計，確保快速、有效、公開、透明、反消極、貪污、群組利益，在 2022、2023 年末及 2024 年中會議向國會報告。

第 8 條、施行條款

1. 本決議從 2022 年 01 月 11 日起生效至 2023 年 12 月 31 日；對於本決議第 3 條 1 款 1.2 及 1.3 點規定之年度財務政策獲適用於 2022 年及 2023 年經費。

2. 政府引導、組織執行本決議；在 2022 及 2023 年末會議報告國會，在 2024 年中會議向國會總結報告。

本決議已獲越南社會主義共和國國會於 2022 年 01 月 11 日第十五屆第一次非常會議通過。

國會主席

(已簽名蓋章)

王廷惠

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱線: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 43/2022/QH15

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**VỀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA, TIỀN TỆ HỖ TRỢ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 02/TTr-CP ngày 02 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số 604/BC-UBKT15 ngày 03 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Kinh tế, Báo cáo số 106/BC-UBTVQH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiếp thu, chỉnh lý, giải trình về dự thảo Nghị quyết về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các tài liệu liên quan và ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quan điểm

1. Bám sát chủ trương, định hướng của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội, kiên trì giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế, đáp ứng kịp thời nhu cầu trước mắt và lâu dài, gắn kết chặt chẽ với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình phòng, chống dịch COVID-19.

2. Điều hành linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, hài hòa, hiệu quả chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác; kiểm soát chặt chẽ lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; chỉ tăng bội chi ngân sách nhà nước để tăng chi đầu tư phát triển và bảo đảm cân đối ngân sách nhà nước khi thực hiện giải pháp miễn, giảm thuế để hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là Chương trình).

3. Chính sách hỗ trợ Chương trình có quy mô, nguồn lực đủ lớn, tác động cả phía cung và phía cầu; có mục tiêu trọng tâm, trọng điểm, xác định đúng đối tượng cần hỗ trợ để giải quyết những

vấn đề cấp bách, tránh dàn trải, lãng phí nguồn lực gắn với trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, người đứng đầu và cấp ủy, chính quyền các cấp.

4. Chính sách, giải pháp hỗ trợ phải khả thi, kịp thời, hiệu quả, thời gian thực hiện chủ yếu trong 2 năm 2022 và 2023 với lộ trình thích hợp để nâng cao năng lực phòng, chống dịch COVID-19, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nguồn lực đưa ra có khả năng giải ngân, hấp thụ nhanh.

5. Huy động, phân bổ và quản lý hiệu quả các nguồn lực; cân đối hợp lý giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực, đối tượng ưu tiên; dễ thực hiện, dễ kiểm tra, giám sát, đánh giá; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, trục lợi chính sách; bảo đảm hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch.

Điều 2. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Phục hồi, phát triển nhanh hoạt động sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy các động lực tăng trưởng, ưu tiên một số ngành, lĩnh vực quan trọng, phấn đấu đạt mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025: tăng trưởng GDP bình quân 6,5 - 7%/năm, chỉ tiêu nợ công dưới mức cảnh báo Quốc hội cho phép tại Nghị quyết số 23/2021/QH15, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn trong trung hạn và dài hạn.

2. Tiết giảm chi phí, hỗ trợ dòng tiền, bảo đảm tính chủ động, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế và người dân.

3. Phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả; bảo đảm an sinh xã hội và đời sống của người dân, nhất là người lao động, người nghèo, người yếu thế, đối tượng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

1. Chính sách tài khóa:

1.1. Chính sách miễn, giảm thuế:

a) Giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: viễn thông, công nghệ thông tin, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt;

b) Cho phép tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 tại Việt Nam cho kỳ tính thuế năm 2022.

1.2. Chính sách đầu tư phát triển:

Tăng chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước tối đa 176 nghìn tỷ đồng, tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Về y tế:

Bố trí tối đa 14 nghìn tỷ đồng để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương gắn với đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực y tế, sản xuất vắc-xin trong nước và thuốc điều trị COVID-19;

b) Về an sinh xã hội, lao động, việc làm:

- Cấp cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 5 nghìn tỷ đồng, bao gồm cấp bù lãi suất và phí quản lý 2 nghìn tỷ đồng để thực hiện chính sách cho vay ưu đãi thuộc Chương trình; hỗ trợ lãi suất tối đa 3 nghìn tỷ đồng cho đối tượng vay vốn theo các chương trình tín dụng chính sách có lãi suất cho vay hiện hành trên 6%/năm;

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa các cơ sở trợ giúp xã hội, đào tạo, dạy nghề, giải quyết việc làm tối đa 3,15 nghìn tỷ đồng;

c) Về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh:

- Hỗ trợ lãi suất (2%/năm) tối đa 40 nghìn tỷ đồng thông qua hệ thống các ngân hàng thương mại cho một số ngành, lĩnh vực quan trọng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có khả năng trả nợ, có khả năng phục hồi; cho vay cải tạo chung cư cũ, xây dựng nhà ở xã hội, nhà cho công nhân mua, thuê và thuê mua;

- Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch tối đa 300 tỷ đồng;

d) Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng:

Bổ sung tối đa 113,55 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để phát triển kết cấu hạ tầng: giao thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa nước, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai;

đ) Việc lựa chọn và phân bổ vốn cho các dự án thuộc Chương trình phải bảo đảm giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023, và tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí sau đây:

- Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trong danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đang triển khai thực hiện, có khả năng hoàn thành sớm nhưng chưa được bố trí vốn hoặc chưa được bố trí đủ vốn;

- Trường hợp bố trí vốn cho các dự án nằm ngoài danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025: chỉ bố trí cho các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh và hấp thụ ngay vào nền kinh tế, phù hợp với quy hoạch, sử dụng nguồn vốn hiệu quả, bảo đảm khả năng cân đối vốn để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022

- 2025; đối với một số dự án mới có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội thì ưu tiên hỗ trợ giải phóng mặt bằng;

- Các dự án phải bảo đảm đủ thủ tục đầu tư theo quy định;

- Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hài hòa giữa các vùng, miền, địa phương, lĩnh vực.

1.3. Chính sách tài khóa khác:

a) Hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động có quan hệ lao động, đang ở thuê, ở trọ, làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực kinh tế trọng điểm (sử dụng khoảng 6,6 nghìn tỷ đồng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2021);

b) Tăng hạn mức bảo lãnh Chính phủ đối với trái phiếu phát hành trong nước cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tối đa 38,4 nghìn tỷ đồng để cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm; học sinh, sinh viên; các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập; cá nhân vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở theo chính sách về nhà ở xã hội; thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

2. Chính sách tiền tệ:

a) Điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ để góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, hỗ trợ tích cực cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; nghiên cứu để giữ ổn định tỷ lệ tối đa vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, tính toán hợp lý tỷ lệ dự trữ bắt buộc, thực hiện nghiệp vụ thị trường mở, tái cấp vốn, chỉ đạo các tổ chức tín dụng tiếp tục tiết giảm chi phí hoạt động để phấn đấu giảm lãi suất cho vay khoảng 0,5% - 1% trong 2 năm 2022 và 2023, nhất là đối với lĩnh vực ưu tiên;

b) Tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ, miễn, giảm lãi vay đối với khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, theo dõi sát diễn biến kinh tế, thị trường tiền tệ để có giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phù hợp, đồng thời bảo đảm an toàn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng;

c) Điều tiết thanh khoản phù hợp, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giải ngân cho các đối tượng thụ hưởng gói hỗ trợ lãi suất;

d) Điều tiết tiền tệ hợp lý, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành trái phiếu Chính phủ và để các tổ chức tín dụng tiếp tục đầu tư trái phiếu Chính phủ;

đ) Sử dụng tối đa 46 nghìn tỷ đồng từ các nguồn tài chính hợp pháp khác để nhập khẩu vắc - xin, thuốc điều trị và thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch COVID-19 trong trường hợp cần thiết;

e) Tiếp tục tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động, bảo đảm tính khả thi và tổ chức triển khai nhanh trong thực tế. Cân đối giải pháp về tiền tệ hỗ trợ Chương trình với tổng thể phương án cơ cấu lại các ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

3. Chính sách khác:

Áp dụng các chính sách khác để thực hiện Chương trình tập trung trong 2 năm 2022 và 2023, bao gồm:

a) Sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng từ Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để phát triển hạ tầng viễn thông, internet, trong đó sử dụng 1 nghìn tỷ đồng để trang bị máy tính bảng thực hiện Chương trình “Sóng và máy tính cho em”;

b) Giải quyết các vướng mắc trong quy định về nội dung chi và quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; sử dụng khoảng 5 nghìn tỷ đồng để đổi mới công nghệ, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; giải mã công nghệ; mua thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cho đổi mới công nghệ, phục vụ trực tiếp hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 4. Phương án huy động nguồn lực

1. Để có nguồn lực thực hiện các chính sách tài khóa hỗ trợ Chương trình, cho phép tăng bội chi ngân sách nhà nước trong 2 năm 2022 và 2023 bình quân 1% - 1,2% GDP/năm (tối đa 240 nghìn tỷ đồng), trong đó: năm 2022, tăng khoảng 1,1% GDP (tối đa 102,8 nghìn tỷ đồng) so với dự toán đã được Quốc hội quyết định; năm 2023, Chính phủ tổng hợp kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước chung cho cả phần tăng thêm của Chương trình và của năm 2023, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định.

Nhu cầu nguồn lực cần được tính toán cụ thể trên cơ sở tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách trung ương và khả năng giải ngân để xây dựng phương án huy động phù hợp từng thời điểm thông qua các công cụ sau đây:

a) Phát hành trái phiếu Chính phủ, bảo đảm nguyên tắc phối hợp chặt chẽ trong điều hành chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính, tiền tệ và bảo đảm các cân đối lớn; phù hợp với khả năng trả nợ, giải ngân, khả năng hấp thụ của nền kinh tế, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí. Ưu tiên phát hành trái phiếu Chính phủ trong nước bằng nội tệ, kỳ hạn phát hành bình quân có thể dưới 9 năm trong 2 năm 2022 và 2023. Trường hợp cần thiết phát hành bằng ngoại tệ, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trước khi triển khai;

b) Vay hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi nước ngoài theo hình thức hỗ trợ cân đối ngân sách;

c) Trong trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác phù hợp và hoàn trả khi có nguồn trong kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước hằng năm hoặc các nguồn khác theo quy định; cho phép phát hành trực tiếp trái phiếu Chính phủ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đẩy mạnh các biện pháp khác để khai thác các nguồn lực, bao gồm:

a) Sử dụng tối đa, hiệu quả các nguồn lực trong các kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tiết kiệm, tiết giảm tối đa các khoản chi, điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ, khoản mục chi trong phạm vi thẩm quyền. Quản lý chặt chẽ các nguồn thu, phấn đấu tăng thu, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước; đẩy mạnh lộ trình cải cách thuế, chống thất thu, chuyển giá, trốn thuế, giảm tỷ lệ nợ đọng thuế; hiện đại hóa hệ thống thuế, hải quan, kho bạc nhà nước, triển khai hóa đơn điện tử, tận dụng các dự án tăng thu ngân sách nhà nước, nhất là dự án tăng thu đối với các giao dịch số xuyên biên giới và các dịch vụ trên nền tảng số đang được cung cấp cho người tiêu dùng tại Việt Nam; triệt để thu hồi các khoản kinh phí chi thường xuyên chậm phân bổ, chậm triển khai;

b) Sử dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách, công cụ phù hợp để huy động thêm nguồn lực thực hiện Chương trình; xây dựng phương án tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với một số mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng để kịp thời áp dụng trong thời gian thực hiện Chương trình; đẩy nhanh việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước, nguồn vốn từ tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội; rà soát lại các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước, năng lực đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước để có kế hoạch huy động, sử dụng phù hợp; nghiên cứu có giải pháp huy động nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương cho Ngân hàng Chính sách Xã hội; quan tâm lồng ghép hiệu quả và đẩy nhanh giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư y tế cơ sở tại các địa phương.

Điều 5. Áp dụng cơ chế đặc thù

1. Cho phép Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc chỉ định thầu trong 2 năm 2022 và 2023 đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu phục vụ di dời hạ tầng kỹ thuật, gói thầu thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng và tái định cư, gói thầu xây lắp của các dự án quan trọng quốc gia, các dự án hạ tầng quan trọng có quy mô lớn, cấp bách về hạ tầng giao thông và y tế thuộc Chương trình; các nhà thầu thực hiện các gói thầu quy định tại khoản này đến khi hoàn thành dự án. Trình tự, thủ tục thực hiện chỉ định thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2. Trong 2 năm 2022 và 2023, nhà thầu thi công không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép khai thác mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong Hồ sơ khảo sát vật liệu xây dựng phục vụ dự án hạ tầng giao thông quan trọng quốc gia thuộc Chương trình; việc khai thác mỏ khoáng sản quy định tại khoản này được thực hiện đến khi hoàn thành dự án. Nhà thầu thi công có trách nhiệm thực hiện đánh giá tác động môi trường; chịu sự quản lý,

giám sát đối với việc khai thác, sử dụng khoáng sản; nộp thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Trong 2 năm 2022 và 2023, cho phép Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương có đủ năng lực, kinh nghiệm quản lý và có văn bản đề xuất làm cơ quan chủ quản thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc theo hình thức đầu tư công đi qua địa bàn thuộc Chương trình (trừ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ Giao thông vận tải là cơ quan chủ quản thống nhất quản lý) trên cơ sở đã sử dụng tối đa năng lực của Bộ Giao thông vận tải. Cơ quan chủ quản quy định tại khoản này được thực hiện các đoạn tuyến đường cao tốc đến khi hoàn thành dự án.

Điều 6. Giao Chính phủ

1. Khẩn trương ban hành các giải pháp để thực hiện chính sách tài khóa, tiền tệ và các chính sách khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật để thực hiện Chương trình; hướng dẫn tổ chức thực hiện các cơ chế quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này gắn với trách nhiệm cụ thể, bảo đảm không để xảy ra việc trục lợi chính sách, lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí.

2. Trong điều hành, chỉ đạo huy động, phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn lực phải tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tiến độ thực hiện, giải ngân của các dự án, nhiệm vụ chi thuộc Chương trình; theo dõi chặt chẽ các chỉ số vĩ mô để có giải pháp kịp thời bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, trong đó đặc biệt chú trọng đến chỉ tiêu về lạm phát, nợ xấu; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi; giảm bội chi để đạt được các chỉ tiêu trong Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; trường hợp có biến động, rủi ro lớn, Chính phủ kịp thời báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Chỉ đạo xây dựng phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 cho các chương trình, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các dự án thuộc Chương trình (bao gồm cả nội dung về Ngân hàng Chính sách Xã hội, Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch...); báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định phân bổ, giao bổ sung dự toán theo quy định trước khi Chính phủ phân bổ, giao bổ sung dự toán và bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Chỉ đạo xây dựng phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận sau thuế, sau trích lập các quỹ giai đoạn 2021 - 2023 cho các ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và từ nguồn ngân sách nhà nước đối với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này, khẩn trương rà soát, hoàn thiện danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn của Chương trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi phân bổ vốn. Bảo đảm điều hòa nguồn vốn đầu tư công trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và nguồn vốn đầu tư công

trong chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình để ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, có tác dụng lan tỏa, liên kết vùng, thúc đẩy tăng trưởng, có khả năng hấp thụ vốn. Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2022, trình Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo quy định để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành giải ngân vốn của Chương trình trong 2 năm 2022 và 2023; bảo đảm nguồn vốn để triển khai, hoàn thành các dự án thành phần trong Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025.

5. Thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình. Trong quá trình điều hành, tiếp tục cân đối ngân sách trung ương để bổ sung nguồn lực thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế; kịp thời triển khai các giải pháp để huy động tối đa các nguồn lực hợp lý cho Chương trình.

6. Điều chỉnh linh hoạt giữa các nhiệm vụ chi của Chương trình theo quy định của pháp luật hiện hành đối với những nội dung thuộc thẩm quyền. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định; trường hợp cấp bách, trong thời gian giữa hai kỳ họp Quốc hội thì báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

7. Chủ động, khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả, đồng bộ Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 và các quy định có liên quan; cắt, giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tập trung tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân; có chính sách đột phá, ưu tiên khuyến khích đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với phát triển bền vững.

8. Nghiên cứu phương án cho phép doanh nghiệp được trừ bổ sung theo tỷ lệ nhất định trên cơ sở chi phí thực tế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp, áp dụng đối với chi phí tạo tài sản cố định và chi phí lao động; phương án tăng thuế đối với giao dịch chứng khoán, bất động sản, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn nội bộ ngay từ đầu để không xảy ra sai sót, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là trong bối cảnh bố trí nguồn lực lớn trong khoảng thời gian ngắn.

10. Chú trọng công tác thông tin, truyền thông, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, khơi dậy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, hệ thống chính trị.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung, chính

sách quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm đúng quan điểm, mục tiêu, công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi và tiến độ; không để trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước tổ chức thực hiện kiểm toán hằng năm việc tổ chức thực hiện Chương trình, bảo đảm thực hiện nhanh, hiệu quả, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022, 2023 và kỳ họp giữa năm 2024.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023; riêng đối với chính sách tài khóa quy định tại các điểm 1.2 và 1.3 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này được áp dụng cho năm ngân sách 2022 và 2023.

2. Chính phủ hướng dẫn, tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối các năm 2022 và 2023, báo cáo tổng kết tại kỳ họp giữa năm 2024.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ